

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BÌNH LONG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**
Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày 10/9/2020

V/v: *Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BÌNH LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Mạnh Biện

Ông Nguyễn Thanh Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quý - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn H1 Phong – Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 75/2020/TLST – DS ngày 29/6/2020, về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2020/QĐST - DS ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà An Thị H, sinh năm: 1967

Ông Lương Văn H1, sinh năm 1962 (đã ủy quyền cho bà H)

Cùng địa chỉ: Tổ 18, khu phố PB, phường AL, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1961

Địa chỉ: Tổ 8, ấp SN, phường HC, thị xã BL, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ gửi kèm theo đơn và lời trình bày của nguyên đơn:

Trong năm 2019, bà Nguyễn Thị C đến cửa hàng vật liệu xây dựng và trang trí nội thất Biên Hòa của bà An Thị H ông Lương Văn H1 để mua vật liệu xây dựng, bắt đầu mua từ ngày 29/5/2019 lần cuối mua vào ngày 12/12/2019, trong các lần tới mua bà C đều nói bà là Nguyễn Thị Anh và các lần ký nhận vật liệu bà đều ký tên Nguyễn Thị Anh. Tổng số tiền mà bà C mua vật liệu tại cửa hàng là 75.145.000đ (bảy mươi lăm triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng). Bà C đã thanh toán cho bà H ông H1 tiền số tiền là 57.933.000 đ (năm mươi bảy triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng). Số tiền bà C còn nợ của bà H ông H1 là 17.212.000đ (mười bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng). Từ tháng 1/2020 bà H ông H1 đã nhiều lần yêu cầu bà C thanh toán nốt

số tiền trên nhưng bà C không trả. Nay bà H ông H1 yêu cầu bà C phải trả số tiền 17.212.000đ (mười bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Tại bản tự khai và lời trình bày của của bị đơn:

Bà C thống nhất về việc mua vật liệu xây dựng tại cửa hàng Vật liệu xây dựng và trang trí nội thất Biên Hòa nhiều lần tổng số vật liệu bà C mua tính ra tiền là 75.145.000đ (bảy mươi lăm triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) như bà H trình bày. Bà C mua tại cửa hàng của bà H 3 đợt và thanh toán tiền như sau:

Đợt 1: Từ ngày 29/5/2019 đến ngày 06/11/2019 mua hết 27.933.000 đồng (hai mươi bảy triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng), tôi trả 5 lần là hết (có kèm phiếu)

Đợt 2: Từ ngày 02/12/2019 đến ngày 08/12/2019 mua hết 31.713.000đ (Ba mươi một triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng) tôi xin thiếu nhưng bà H không cho.

Đợt 3: Đến ngày 12/12/2019 bà C trả hết nợ đợt hai là 31.713.000đ (ba mươi một triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng), rồi xin phiếu thu tiền nhưng bà H không cho; bà C xin mua ít vật liệu để về làm nhà vệ sinh thì bà H không cho, bà C định đi mua chỗ khác thì bà H gọi lại bảo mua gì thì bảo kế toán nên cùng lúc đó tức ngày 12/12/2019 bà C mua hết 15.499.000đ (mười năm triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng) chưa trả tiền, bà C lại tiếp tục xin phiếu thì bà H vẫn không cho.

Ngày 20/01/2020 bà C đem 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) ra dự tính trả số nợ đợt 3 là 15.499.000đ (mười năm triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng) còn lại 14.500.000đ, bà C tính để lấy thêm ít vật liệu về hoàn thiện nhà, nên tạm gửi bà H 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) để lấy vật liệu xong tính, bà C vừa đưa cho bà H thì kế toán trừ luôn và nói bà C còn nợ 17.212.000đ (mười bảy triệu hai trăm mười hai nghìn đồng). Thực tế số nợ đợt 1 và đợt 2 bà C đã trả xong, bà C chỉ nợ lại số tiền đợt 3 là 15.499.000đ (mười năm triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng) như vậy cửa hàng vật liệu xây dựng và trang trí nội thất Biên Hòa lấy dư của bà C số tiền 14.500.000đ (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng). Bà C không đồng ý trả số nợ 17.212.000đ (mười bảy triệu hai trăm hai mươi nghìn đồng) như bà H, ông H1 yêu cầu, vì không còn thiếu nợ. Số tiền cửa hàng vật liệu xây dựng và trang trí nội thất Biên Hòa lấy dư của bà C thì bà C yêu cầu trả lại.

Trên các hóa đơn mua bán tại cửa hàng vật liệu xây dựng và trang trí nội thất Biên Hòa có ký tên Nguyễn Thị Anh là do tôi tự lấy tên Nguyễn Thị Anh và ký tên Nguyễn Thị Anh.

Kiểm sát viên địa diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước phát biểu tại phiên tòa:

Thẩm phán, Thư ký tòa án và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: qua xem xét các chứng cứ và lời trình bày của hai bên đương sự tại tòa án thì thấy yêu cầu của bà An Thị H ông Lương Văn H1 là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà Nguyễn Thị C trả nợ cho bà H ông H1 số tiền 17.212.000đ (mười bảy triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà An Thị H và ông Lương Văn H1 khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị C phải trả tiền mua vật liệu xây dựng. Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng. Bà Nguyễn Thị C là bị đơn trong vụ án có địa chỉ cư trú tại Tổ 8, ấp Sở Nhì, phường Hưng Chiến, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước nên Căn cứ các quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung: bà An Thị H ông Lương Văn H1 tranh chấp với bà Nguyễn Thị C về hợp đồng mua bán tài sản nên áp dụng Điều 430 của Bộ luật dân sự và các điều luật liên quan để giải quyết.

[3] Về nội dung vụ án:

Tại phiên tòa hai bên đương sự đã thống nhất về số lượng hàng hóa là Vật liệu xây dựng đã mua là 75.145.000đ (bảy mươi lăm triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Đối với đợt mua thứ nhất theo như bà C trình bày là từ ngày 29/5/2019 đến ngày 06/11/2019 mua hết 27.933.000đ (hai mươi bảy triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng) bà C đã thanh toán xong không còn tranh chấp nên không xét.

Đối với đợt mua thứ hai từ ngày 02/12/2019 đến ngày 08/12/2019 mua hết 31.713.000đ (ba mươi một triệu bảy trăm mười ba nghìn đồng) và đợt mua thứ 3 vào ngày 12/12/2019 số tiền mua là 15.499.000đ (mười lăm triệu bốn trăm chín mươi chín nghìn đồng) bà C cho rằng đã thanh toán hết nhưng không có căn cứ gì để chứng minh. Lời trình bày của bà H cũng như các chứng cứ hai bên cung cấp chỉ thể hiện vào ngày 20/1 bà C thanh toán cho bà H số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng). Như vậy số còn lại là 17.212.000đ bà C chưa thanh toán cho bà H là có căn cứ. Nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà An Thị H ông Lương Văn H1.

Đối với yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị C: Bà C cho rằng thanh toán thừa cho bà H số tiền 14.500.000đ (mười bốn triệu năm trăm nghìn đồng), bà C yêu cầu tòa giải quyết buộc bà H trả lại. Theo quy định tại Điều 200 Bộ luật tố tụng dân sự thì bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng trước thời điểm này bà C không có đơn yêu cầu phản tố nên việc phản tố của bà C không được xem xét giải quyết. Nếu bà C có yêu cầu thì có thể làm đơn khởi kiện, tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng một bản án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của bà An Thị H và ông Lương Văn H1 được chấp nhận nên buộc bà Nguyễn Thị C có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Cụ thể là: 17.212.000đ x 5% = 860.600 đồng (tám trăm sáu mươi nghìn sáu trăm đồng), trả lại cho bà An Thị H 430.000đ tiền tạm ứng án phí.

Lời phát biểu của đại diện viện sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự; Điều 144, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà An Thị H và ông Lương Văn H1 buộc Nguyễn Thị C phải trả cho bà H, ông H1 số tiền 17.212.000đ (mười bảy triệu hai trăm mười hai nghìn đồng).

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả các khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị C phải chịu 860.600 đồng (tám trăm sáu mươi nghìn sáu trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà An Thị H số tiền 430.000 đồng (bốn trăm ba mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004964, Quyền số 000100 ngày 26/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND TX Bình Long.
- Chi cục THADS TX Bình Long.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

(đã ký)

Phạm Bình